

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc M, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Làng Chuối, xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá; địa chỉ: Nhà trọ ĐH, đường N, tổ X4, khu phố X3, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: LC, xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá; địa chỉ: Nhà trọ ĐH, đường N, tổ X4, khu phố X3, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Tô Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ thường trú: LC, xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Ngọc M trình bày:

Bà Lê Ngọc M và ông Lê Văn H chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá vào năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 02 ngày 04/3/2004. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn bà M nhận thấy tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Ngoài ra, trước đây ông H còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Trước đây, còn chơi bài bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Hiện tại, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H. Hiện tại, bà M và ông H không còn sống chung nhà và đã ly thân khoảng 04 tháng nay.

Về con chung: Bà Lê Ngọc M và ông Lê Văn H có 02 người con chung tên: Lê Ngọc C, sinh năm 2004 và Lê Xuân P, sinh ngày 04/5/2012. Tại đơn khởi kiện, bà Lê Ngọc M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi hoà giải, bà M đồng ý để ông Lê Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, đến ngày 28/3/2024, Tòa án nhận được Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà M thì bà M có nguyện vọng được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Ngọc M không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Căn cước công dân mang tên Lê Ngọc M (bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Trích lục khai sinh (bản sao); Giấy xác nhận thông tin cư trú (bản sao).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2024, bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Ông H và bà M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá vào năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển số 02 ngày 04/3/2004. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng tháng 2/2023, nhưng sau đó hoà giải được nên vợ chồng vẫn chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến tháng 8/2023, bà M đưa cháu Lê Xuân P về quê ở với bà nội Tô Thị D (mẹ ruột của ông H). Sau đó, bà M quay lại phòng trọ và dọn đồ đi nơi khác sinh sống. Ngoài ra, hiện tại bà M còn có quan hệ với người đàn ông khác. Cuộc sống hôn nhân của hai người đã không còn hạnh phúc, do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, ông H và bà M không còn sống chung nhà và đã ly thân khoảng 4 tháng nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu ly hôn của bà M thì ông H không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông Lê Văn H và bà Lê Ngọc M có 02 người con chung tên: Lê Ngọc C, sinh năm 2004 và Lê Xuân P, sinh ngày 04/5/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông Lê Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C, đã

trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại ông H làm công nhân bộ phận lắp ráp của Công ty M; địa chỉ: Đường DF3, Khu công nghiệp MP, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thu nhập dao động từ 6.500.000 đồng đến 8.500.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn H không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Không.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký tạm trú và hiện sinh sống tại Nhà trọ ĐH, đường N, tổ X4, khu phố X3, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Ngọc M và bị đơn ông Lê Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Ngọc M và bị đơn ông Lê Văn H trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PG, huyện Ngọc

Lạc, tỉnh Thanh Hoá vào năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyền số 02 ngày 04/3/2004 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà Lê Ngọc M và bị đơn ông Lê Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn xác định khoảng đầu năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, cả hai đều có nghi ngờ người kia có quan hệ với người khác, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 8/2023 cho đến nay. Hiện tại, bà M xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Bị đơn ông H trình bày mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông H vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Để đạt được mục đích này, vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ để nguyên đơn và bị đơn nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tại Biên bản xác minh ngày 22/01/2024 thể hiện: Ông H có đăng ký tạm trú và hiện vẫn đang sinh sống tại Nhà trọ ĐH, đường N, tổ X4, khu phố X3, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Về cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông H có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không rõ. Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Tô Thị D là mẹ ruột của ông H cũng xác nhận vợ chồng bà M và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng xảy ra thời gian nào bà không rõ. Sau khi sống ly thân, hai vợ chồng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 người con chung tên: Lê Ngọc C, sinh năm 2004 và Lê Xuân P, sinh ngày 04/5/2012.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P. Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/02/2024, cháu P có nguyện vọng muốn được sống cùng với bà M. Ngoài ra, bà M cũng có công việc thu nhập ổn định. Do đó, việc giao cháu Lê Xuân P, sinh ngày 04/5/2012 cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với cháu C, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Ngọc M và bị đơn ông Lê Văn H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc M về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Lê Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc M được ly hôn với ông Lê Văn H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 04/3/2004 cho bà Lê Ngọc M và ông Lê Văn H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 cháu tên: Lê Xuân P, sinh ngày 04/5/2012 cho bà Lê Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Lê Văn H thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Ngọc C, sinh năm 2004, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0002334 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã PG, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh